

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST
Ngày: 04-03-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Biên

2. Bà Khương Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND thị xã N, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2021, tại Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Đình C (Tên gọi khác: Phạm Quốc C) - Sinh ngày 06 tháng 7 năm 1982 tại phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Tổ dân phố A, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Lê Đình D (Đã chết) và con bà: Phạm Thị N - Sinh năm: 1941; Có vợ: Vũ Thị P - Sinh năm 1985; Có hai con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Tại Bản án số 06/2012/HSST ngày 21/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 07 năm tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Anh Cao Hà Đức A – Sinh năm: 2002

Địa chỉ: Tiểu khu Đ, phường E, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

*** Người làm chứng:**

1. Chị Vũ Thị P – Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Lê Thị T – Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tiểu khu Đ, phường E, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09h30' ngày 06/12/2020, Lê Đình C đi nhờ xe của người thanh niên có tên là T đến cổng Trung tâm văn hóa thông tin, thể thao và du lịch thị xã N có địa chỉ tại Tiểu khu Đ, phường E, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Lúc này, C đi vào trong Trung tâm văn hóa thông tin, thể thao và du lịch thị xã N tìm gặp người có tên là H người thôn G, xã H, thị xã N đang làm thợ sơn tại đây, vào tìm nhưng không thấy Hưng nên C đi lên tầng hai thì thấy cửa phòng làm việc của ông Cao Văn L - Giám đốc Trung tâm, đang mở. C đi vào bên trong phòng thấy anh Cao Hà Đức A, là con của ông L, đang ngủ trên giường, quan sát trên bàn có chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh rêu của anh Đức A đang để trên bàn thì C lấy cho vào túi quần và đi ra ngoài, lên xe của thanh niên tên Thanh và đi về nhà C ở thôn A, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh hóa (nay là tổ dân phố A, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh hóa) còn người thanh niên tên T đi về xã I.

Sau khi C đi ra cổng Trung tâm văn hóa thì chị Lê Thị T, là người bán nước tại cổng trung tâm, nhìn thấy C có biểu hiện không bình thường. Vì vậy, chị T đã chạy lên phòng làm việc của ông L và gọi anh Đức A dậy kiểm tra tài sản thì Đức A phát hiện mình bị mất chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh rêu. Do quen biết với vợ của C nên chị T đã đến chợ Còng gặp chị Vũ Thị P (là vợ C) nói “bảo với anh C có lấy điện thoại thì mang đến trả”. Chị P gọi điện thoại cho chồng và C có nhận mình vừa lấy chiếc điện thoại trong Trung tâm văn hóa. Chị P bảo C mang lên trả ngay. Đến khoảng 10h10” cùng ngày, C gặp chị T và đưa chiếc điện thoại mà mình đã trộm cắp và nhờ chị T trả lại cho chủ sở hữu cùng lời xin lỗi. Ngay sau đó, chị T đã giao nộp chiếc điện thoại nói trên cho Công an.

Đến 13h15 cùng ngày Lê Đình C đã đến Công an phường E đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 137/KLĐGTS ngày 07/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã N kết luận giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xanh rêu loại 512GB, số IMEI 1: 353914100922561, IMEI 2: 353914100911135 có trị giá là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, xác minh trên địa bàn phường I không có người nào tên là Thanh và xác minh tại thôn G, xã H cũng không có người tên H như C đã khai báo.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xanh rêu loại 512GB, số IMEI 1: 353914100922561, IMEI 2: 353914100911135 đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT Công an thị xã N đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng

hình thức trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Cao Hà Đức A, sinh năm 2002 ở Tiểu khu Đ, phường E, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKSNS-HS ngày 04/02/2021 của VKSND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Đình C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

** Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo là từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (06/12/2020).

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an thị xã N đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xanh rêu loại 512GB, số IMEI 1: 353914100922561, IMEI 2: 353914100911135 đã qua sử dụng cho người bị hại. Anh Cao Hà Đức A đã nhận lại đủ tài sản nói trên và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an thị xã N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ để khẳng định VKSND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Lê Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo là thanh niên có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, đáng lẽ phải tự lao động để tạo nguồn thu nhập cho cuộc sống của mình và

gia đình. Nhưng do không chịu tu dưỡng, rèn luyện, muốn hưởng thụ nhưng lại không chịu lao động nên đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu hình phạt là cần thiết. Do đó cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Ngày 21/02/2012 Lê Đình C bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 năm tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*”. Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận sau khi chấp hành án về 3 năm bị cáo tái nghiện, loại ma túy mà bị cáo sử dụng là heroin. Với nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo.

Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ, đó là: Sau khi phạm tội nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã N đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Người bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an thị xã N đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu xanh rêu loại 512GB, số IMEI 1: 353914100922561, IMEI 2: 353914100911135 đã qua sử dụng cho người bị hại. Anh Cao Hà Đức A đã nhận lại đủ tài sản nói trên và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Đình C.

- Tuyên bố: Lê Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- **Xử phạt:** Lê Đình C 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (06/12/2020). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

- **Án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng các điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Đình C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại tại phiên tòa. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh